TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HS-ST
Ngày 14/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất
Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa
Ông Phạm Công Định
Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 tại xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L và bà Trần Thị C; Gia đình có 02 anh em, T là con thứ hai; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/01/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương.(Có mặt)

2. Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1993 tại xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L và bà Trần Thị C; Gia đình có 02 anh em, T1 là con thứ nhất; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/01/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương.(Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo T1:* Ông Nguyễn Thế B – Luật sư Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 1 phố X, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Khu dân cư N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi liên quan:* Bà Đỗ Thị Hương, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Khu dân cư N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 187 Phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số 162 Phố L, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Khu dân cư N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Trần Khoa D, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số 160 Phố L, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

5. Ông Trần Khoa B, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Số 160 Phố L, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

6. Anh Phạm Công M, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Anh Nguyễn Đức Q có mặt, những người làm chứng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 09/01/2020, Nguyễn Xuân T1 cùng em trai là Nguyễn Văn T đi bộ từ thôn P, thị trấn G đến khu dân cư N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khi đến ngã tư C thì gặp ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1961, trú tại Khu dân cư N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, làm nghề lái xe ôm, đi tới hỏi T1 và T có đi xe ôm không. T1 và T trả lời là không đi. Lúc này T nảy sinh ý định thuê xe của ông A chở đến chỗ vắng người để chiếm đoạt tài sản của ông A. T trao đổi với T1 thì T1 đồng ý. Sau đó T1 đi đến chỗ ông A đứng chờ khách tại ngã tư C, bảo ông A chở xe ôm đến nghĩa trang thôn P, trị trấn G. Ông A đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 34B3-423.61 chở T1 và T theo hướng dẫn của T1, đi từ đường quốc lộ 38B rẽ vào đường tỉnh lộ 395 qua xã H đến thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khi đi qua nghĩa trang nhân dân thôn P, thị trấn G, huyện G một đoạn thì T1 bảo ông A chở vào trong nghĩa trang thôn P để T1 thắp hương cho bạn. Ông A điều khiển xe đi vào đường bê tông trong nghĩa trang thôn P, khi cách vị trí cổng 30m thì ông A dừng xe lại gần một gốc cây để T, T1 xuống xe. Khi ông A vừa xuống xe

thì T1 đi đến từ phía sau ông A dùng tay phải ôm ghì vào cổ ông A và kéo vật ông A về phía sau, xe mô tô biển kiểm soát 34B3-423.61 đổ xuống, T1 và ông A cùng ngã nằm ngửa dưới đất ở tư thế T1 nằm phía dưới, ông A nằm trên người T1, T1 tiếp tục dùng tay phải ôm vòng qua cổ ông A ghì xuống. Ông A bị nghẹt thở nên dùng tay cậy tay của T1 ra khỏi cổ mình nhưng không được nên nhổm đầu lên phía trước và hô lên: "Cướp, cướp". Lúc này T đang ngồi đè lên chân trái của ông A, dùng tay móc vào túi quần bên phải của ông A để lấy ví tiền, nghe thấy ông A hô cướp thì T nhặt 01 viên gạch chỉ kích thước (23x9x5)cm, bề mặt viên gạch có dính vữa ở gần đó, T cầm gạch bằng tay phải giơ lên đập liên tiếp 03 nhát vào vùng mặt, trán, vùng đầu gần phía tai trái của ông A làm viên gạch bị vỡ thành 2 phần. Sau khi bị T dùng gạch đập vào đầu, ông A bị đau, choáng và bất tỉnh nên T vứt viên gạch xuống đường bê tông, rồi thò tay vào túi quần phía trước bên phải của ông A để móc lấy ví thì ông A đưa tay túm vào tay của T giữ lại, T tiếp tục dùng tay phải cầm viên gạch vỡ mà T vừa vứt ra đập thêm 01 nhát nữa vào trán ông A. Thấy ông A nằm im, không kháng cự nữa nên T lấy được ví của ông A, rồi đi đến vị trí xe mô tô biển kiểm soát 34B3-423.61, dựng xe, bật khóa điện và vẫy tay ra hiệu gọi T1. Thấy vậy, T1 buông tay khỏi cổ ông A, đẩy ông A ra khỏi người mình rồi ra xe mô tô, nổ máy, chở T đi về hướng xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương. Một lúc sau ông A tỉnh dậy và đi bộ ra khỏi nghĩa trang thôn P, đến đường tỉnh lộ 395 ông A nhờ người đi đường chở về nhà để người nhà đưa đến Công an huyện G trình báo sự việc, sau đó được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương cấp cứu và điều trị.

Khi T1 điều khiển xe mô tô chiếm đoạt được của ông A chở T đến mương nước gần cầu S thuộc địa phận xã K, huyện G thì dừng lại, T đưa ví vừa lấy của ông A cho T1, T1 mở ví kiểm tra thấy có 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 34B3-423.61 mang tên Nguyễn Đức A và số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng). T1 cầm tiền và giấy đăng ký xe của ông A, còn chiếc ví T1 vứt xuống mương nước. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T1 và T mang xe mô tô biển kiểm soát 34B3-423.61 đến nhà anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1988, trú tại số 187 Phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. T1 nói cần tiền chi tiêu việc gia đình và gạ bán xe cho anh L với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng), anh L tin lời T1 nên đồng ý mua. T1 viết giấy bán xe, đưa Chứng minh nhân dân của mình cho anh L chụp ảnh, giao xe mô tô cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đức A cho anh L. Đến ngày 10/01/2020, anh L biết thông tin về việc ông A bị cướp tài sản đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện G giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 34B3-423.61 cùng 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đức A, 01 giấy bán xe do Nguyễn Xuân T1 viết, 01 bản ảnh chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Xuân T1.

Số tiền bán xe và 900.000đ chiếm đoạt của ông A, T1 và T đã sử dụng chi tiêu cá nhân.

Hậu quả: Ông A được cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương từ ngày 09/01/2020 đến ngày 23/01/2020 với thương tích: Vết thương vùng chẩm trái kích thước 04 x 01 cm, bờ nham nhở; vết thương sau tai trái kích thước 04 cm; vết thương rách vành tai trái kích thước 03cm; vùng trán trái có 02 vết thương kích thước 05 x 01 cm và 03 x 01 cm lóc da, lộ xương; vùng trán phải có vết thương kích thước 02 cm, sâu 01 cm bờ nham nhở; vết thương cung mày phải kích thước 02 cm; vết thương đuôi mắt phải kích thước 02 cm. Kết quả chụp cắt lớp vi tính xác định: Tụ máu ngoài màng cứng trán trái dày 03 mm, tụ máu dưới màng cứng bán cầu đại não trái chỗ dày 05 mm, chảy máu màng mền, lọt khí nội sọ. Kết luận: Chấn thương sọ não gây vỡ xương trán trái, thái dương trái, tụ máu ngoài màng cứng trán trái, tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái, chảy máu màng mềm.

Tại Kết luận giám định số 57 ngày 16/3/2020, Phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương kết luận thương tích của ông A là 44%.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương đã trưng cầu giám định tại Phòng Giám định pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương; Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương và Viện khoa học hình sự Bộ Công an đối với vật chứng là 02 nửa viên gạch thu giữ tại hiện trường.

- Tại Kết luận giám định số 2590 ngày 10/6/2020, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Dấu vết trên viên gạch vỡ thu tại hiện trường là máu của ông A.

- Tại Kết luận giám định số 217 ngày 21/7/2020, Phòng Giám định pháp y kết luận: Viên gạch hoặc hai nửa viên gạch đều là vật dạng tày cứng, khi dùng để đánh đều có thể gây ra tổn thương cho ông A; khi dùng để đánh 04 lần thì có thể gây ra 08 vết thương cho ông A (nửa viên gạch còn dính vữa gây ra vết thương cho ông A phù hợp hơn); bề mặt hay góc cạnh của hai nửa viên gạch va đập đều có thể gây ra tổn thương cho ông A.

- Tại Kết luận giám định số 100 ngày 05/8/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Một nửa viên gạch vỡ màu đỏ còn dính vữa hồ, kích thước viên gạch khoảng (13x9x5)cm, trên bề mặt dính dấu vết màu nâu đỏ và một nửa viên gạch vỡ màu đỏ, kích thước khoảng (10,5x7,5x5)cm, trên bề mặt dính dấu vết màu nâu đỏ là của cùng một viên gạch vỡ ra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/QĐ-HĐ/ĐGTS ngày 15/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 34B3-423.61 trị giá: 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 01 (một) ví nam giả da màu đen,

loại ví gấp (đã qua sử dụng), kích thước (12x10x03)cm trị giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-P1 ngày 04/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt là VKS) đã truy tố ra trước Tòa án Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1 về tội Giết người theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 (viết tắt là BLHS), tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T trình bày hành vi phạm tội cơ bản như nội dung cáo trạng của VKS. Bị cáo thừa nhận bản thân biết vùng đầu là vị trí trọng yếu trên cơ thể nhưng bị cáo dùng gạch đánh vào đầu ông A chỉ để dọa ông A, không có mục đích giết ông A. VKS truy tố bị cáo về tội Giết người và Cướp tài sản thì bị cáo không có ý kiến gì. Bị cáo chấp nhận bồi thường toàn bộ các khoản như ông A yêu cầu.

- Bị cáo T1 trình bày hành vi phạm tội cơ bản như nội dung cáo trạng của VKS. Bị cáo thừa nhận bản thân biết việc dùng gạch đập vào đầu bị hại có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại. Bị cáo đồng ý với tội Giết người, Cướp tài sản như VKS truy tố và chấp nhận bồi thường toàn bộ các khoản như ông A yêu cầu.

- Người bào chữa cho hai bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh, điều luật như VKS truy tố, đề nghị HĐXX xem xét tính chất, hành vi phạm tội và hoàn cảnh của hai bị cáo, áp dụng mức hình phạt khoan hồng để hai bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Bị hại ông Nguyễn Đức A nhất trí với nội dung cáo trạng của VKS nhưng bổ sung thêm: Khi đến nghĩa trang, xuống xe dựng chân chống, ông A nghe thấy người anh nói "Làm đi" và khi người anh ghì cổ ông A, người em cầm gạch thì ông A nghe thấy người anh nói "Đập chết đi". Về trách nhiệm hình sự, ông A nhất trí với tội danh như VKS truy tố nhưng đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt 20 năm tù về tội Giết người đối với hai bị cáo. Về trách nhiệm dân sự thì ông A yêu cầu hai bị cáo bồi thường toàn bộ các khoản như ông đã kê khai tại giai đoạn điều tra và giá trị chiếc ví cùng số tiền 900.000đ.

- Người làm chứng anh Nguyễn Đức Q trình bày anh không trực tiếp chứng kiến sự việc mà khi được thông báo thì ông A đã được đưa đi cấp cứu. Trong thời gian ông A ở bệnh viện thì gia đình phải chăm sóc, sau đó xin cho ông A về điều trị tại gia đình. Toàn bộ các hóa đơn mua thuốc, vật tư y tế anh đã cung cấp trong giai đoạn điều tra, đề nghị HĐXX xử các bị cáo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng cho ông A.

- Đại diện VKSND tỉnh trình bày luận tội: Sau khi phân tích các tình tiết vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như bản cáo trạng đã nêu.

+ Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1 phạm tội Giết người, Cướp tài sản.

+ Về hình phạt chính: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm e khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168, Điều 15, khoản 3 Điều 57, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo; Xử phạt Nguyễn Văn T từ 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù về tội Giết người; từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản; tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt từ 16 năm đến 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/01/2020; Xử phạt Nguyễn Xuân T1 từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù về tội Giết người; từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng về tội Cướp tài sản; tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt từ 15 năm đến 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/01/2020.

+ Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

+ Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tiêu hủy toàn bộ vật chứng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 587, 590 Bộ luật Dân sự; Số tiền ông A yêu cầu bồi thường là 132.638.000đ; buộc T và T1 mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông A số tiền 66.319.000đ.

+ Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.316.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết thúc phần tranh luận, hai bị cáo nói lời sau cùng, trình bày rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để hai bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại giai đoạn điều tra, cơ bản phù hợp với lời khai của bị

hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 09/01/2020 tại nghĩa trang thôn P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1 đã dùng vũ lực quật ông Nguyễn Đức A ngã xuống đất và dùng gạch đập nhiều nhát và nhiều lần vào đầu, vào trán làm ông A bất tỉnh, gây thương tích cho ông A với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 44% và chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 34B3-423.61 trị giá 8.000.000 đồng, 01 ví màu đen trị giá 50.000 đồng và số tiền 900.000 đồng trong ví của ông A, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 8.950.000đ.

Đánh giá hành vi của hai bị cáo thì thấy:

Do không có công việc kiếm thu nhập, bị đói nhiều ngày và chán đời nên T và T1 bàn nhau chiếm đoạt tài sản của ông A. Để thực hiện mục đích này, T1 và T thuê ông A là xe ôm chở vào nghĩa trang, T1 dùng tay ghì cổ, vật ông A ngã xuống đất khiến cho ông A bị nghẹt thở, giữ cho ông A không giãy giũa và thoát ra được để T lấy ví tiền trong túi quần ông A. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng vũ lực tấn công người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Thời điểm này mặc dù T và T1 chưa lấy được tài sản của bị hại nhưng hành vi của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản theo Điều 168 BLHS.

Khi thấy ông A phản kháng và hô "Cướp, cướp" thì T1 tiếp tục ghì cổ ông A khiến ông A nghẹt thở, T ngồi lên đùi trái ông A, dùng tay phải cầm gạch đập liên tiếp 03 nhát vào vùng đầu, trán ông A làm ông A bị choáng và thò tay lấy ví trong túi quần ông A. Khi ông A giữ tay T, T cầm gạch đập thêm 01 nhát vào trán ông A khiến ông A bất tỉnh. Sau khi lấy được ví tiền và xe mô tô, T ra hiệu cho T1 thì T1 mới buông ông A ra và cùng T mang tài sản đi tiêu thụ. Hai bị cáo xác định không bàn bạc về việc dùng gạch đánh ông A và hành vi này chỉ để dọa ông A nhằm chiếm đoạt tài sản chứ không có mục đích giết ông A. Tuy nhiên với hành vi dùng gạch là hung khí nguy hiểm, đập nhiều nhát, nhiều lần vào vùng đầu, trán là vị trí trọng yếu trên cơ thể buộc T và T1 phải nhận thức được rằng hành vi của mình là nguy hiểm đến tính mạng của ông A. Hai bị cáo không có sự bàn bạc từ trước về việc giết ông A nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội đã tiếp nhận ý chí của nhau và cùng phối hợp thực hiện. Để Cướp được tài sản, các bị cáo đã đập nhiều nhát đến khi ông A bất tỉnh, tưởng ông A đã chết nên thò tay vào túi quần lấy ví tiền nhưng bị ông A giữ lại, vì thế các bị cáo tiếp tục chẹt cổ và đập tiếp một nhát nữa vào vùng trán làm ông A ngất đi không biết gì, tay buông thõng, đầu nghẹo sang một bên, lúc này các bị cáo mới lấy được tài sản. Mặt khác căn cứ vào lời khai của ông A cho rằng, ông nghe được có người nói " làm đi", "đập chết đi". Như vậy có căn cứ xác định các bị cáo có mục đích giết ông A và mong muốn hậu quả xảy ra, ông A không chết do được cấp cứu

kịp thời là nằm ngoài ý muốn của các bị cáo. Do vậy hành vi của T và T1 đủ yếu tố cấu thành tội Giết người theo Điều 123 BLHS. Trước các bị cáo đã thực hiện tội Cướp tài sản như phân tích ở trên nên hai bị cáo phải chịu tình tiết định khung *"Giết người mà liền trước đó…… thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"* quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 BLHS. T và T1 chiếm đoạt ví tiền, xe mô tô của ông A, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.950.000đ nên hành vi của hai bị cáo cấu thành tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 BLHS. Viện kiểm sát tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo T và bị cáo T1 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Vai trò của bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó hai bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo T là người khởi xướng, trực tiếp dùng gạch đập vào đầu, trán bị hại, lấy ví tiền và xe mô tô của bị hại nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo T1 khi nghe T đề xuất cướp tài sản thì đồng ý, trực tiếp thuê ông A chở đến khu nghĩa trang, dùng tay ghì cổ, vật ông A ngã xuống đất và giữ ông A ở tư thế không chống cự được tạo điều kiện cho T thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ hai.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Hai bị cáo không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo cơ bản thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt chính: Hành vi của T và T1 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, sẵn sàng dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản, thậm chí tước đoạt tính mạng của người khác để thực hiện được mục đích nên cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Do hậu quả chết người không xảy ra nên áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS là phạm tội chưa đạt khi quyết định hình phạt về tội Giết người đối với hai bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: T và T1 không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông A yêu cầu bị cáo T và T1 bồi thường các khoản gồm: Chi phí cấp cứu, điều trị thương tích là 48.296.301 đồng; tổn thất tinh thần là 50.000.000đ; mất thu nhập do phải điều trị thương tích, không đi làm được trong 06 tháng là 24.000.000đ; mất thu nhập của người chăm sóc - vợ ông A trong thời gian 45 ngày là 9.391.500đ; số tiền 900.000đ và giá trị chiếc ví da 50.000đ hai bị cáo đã cướp của ông A. Tại phiên tòa T và T1 đồng ý bồi thường toàn bộ các khoản theo ông A yêu cầu. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận giữa hai bị cáo và bị hại về việc hai bị cáo có trách nhiệm liên đới

bồi thường cho ông A tổng số tiền **132.638.000đ** (làm tròn số). Hai bị cáo không thỏa thuận về mức bồi thường của từng bị cáo nên trên cơ sở vai trò, mức độ lỗi của hai bị cáo, chia theo phần T có trách nhiệm bồi thường số tiền 72.950.000đ, T1 có trách nhiệm bồi thường số tiền 59.688.000đ.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- 01 (một) nửa viên gạch vỡ; 01 (một) nửa viên gạch vỡ, trên thân có dính vữa, có dính vết máu; 01 (một) miếng vữa khô có dính máu là công cụ phạm tội cần tiêu hủy.

- 01 (một) phong bì chứa dấu vết máu thu tại hiện trường là phần còn lại sau giám định cần tiêu hủy.

[7] Về án phí: Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án, lệ phí Tòa án.

[8] Các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Khắc L mua xe mô tô biển kiểm soát 34B3-423.61 do T1 và T chiếm đoạt của ông A với giá 2.000.000đ. Anh L không biết đây là tài sản do hai bị cáo phạm tội mà có, ngày 10/01/2020 anh L tự nguyện giao nộp xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra và không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 17, Điều 38, Điều 55, khoản 3 Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1.

2.Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1 phạm tội Giết người và Cướp tài sản.

3. Về hình phạt chính:

- Xử phạt Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) năm tù về tội Giết người; 05 (Năm) năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là **20** *(Hai mươi)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/01/2020.

- Xử phạt Nguyễn Xuân T1 14 (Mười bốn) năm tù về tội Giết người; 04 (Bốn) năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là **18** *(Mười tám)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/01/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 590, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Xuân T1 với ông Nguyễn Đức Anh về việc Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1 có

trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Đức A số tiền **132.638.000đ** *(Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng)*. Chia theo phần, bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Đức A số tiền **72.950.000đ** *(Bảy mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)*; bị cáo Nguyễn Xuân T1 có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Đức A số tiền **59.688.000đ** *(Năm mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tiêu hủy: 01 (một) nửa viên gạch vỡ; 01 (một) nửa viên gạch vỡ, trên thân có dính vữa, có dính vết máu; 01 (một) miếng vữa khô có dính máu; 01 (một) phong bì và dấu vết máu thu tại hiện trường vụ Cướp tài sản ngày 09/01/2020 tại nghĩa trang P, thị trấn G, huyện G được niêm phong trong phong bì.

Tình trạng đặc điểm các vật chứng được niêm phong theo biên bản bàn giao ngày 07/12/2020 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc Nguyễn Văn T phải chịu **200.000đ** *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và **3.648.000đ** *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Nguyễn Xuân T1 phải chịu **200.000đ** *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và **2.984.000đ** *(Hai triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo : Hai bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Văn phòng CQCSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bảo chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu Tòa; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Chất

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Khóa	**Nguyễn Văn Sơn**	**Nguyễn Văn Chất**
Phạm Công Định		
Ngô Thị Thơm		